

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Nông nghiệp*

LỜI MỞ ĐẦU

Nông sản Việt Nam chủ yếu được biết đến với giá thành rẻ và chất lượng thấp khiến các sản phẩm không được đánh giá chính xác. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không tiến hành cải thiện vấn đề an toàn thực phẩm cũng như đổi mới lĩnh vực này theo hướng bền vững thì Việt Nam sẽ không thể trở thành quốc gia đứng đầu về xuất khẩu nông sản và thực phẩm, đặc biệt là khi các nước láng giềng đang cạnh tranh cho vị trí này.

Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vì những câu trả lời cụ thể được gửi đến Bộ KH&ĐT vào ngày 13/04/2016. Tuy vậy, không hẳn toàn bộ các vấn đề đưa ra trong tờ trình đều đã được giải quyết hoặc được giải quyết một cách thỏa đáng. Những vấn đề mới cũng phát sinh.

Nhóm Công tác Nông Nghiệp - Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) xin đưa ra ý kiến về một số vấn đề quan tâm hàng đầu trong ngành nông nghiệp. Các chủ đề này đều có liên quan mật thiết với nhau nhưng để làm rõ, chúng tôi đã chia ra thành 3 chủ đề chính.

Đầu tiên là vấn đề an toàn thực phẩm vì vấn đề này khiến Việt Nam bỏ lỡ những cơ hội xuất khẩu và gia tăng chi phí chăm sóc sức khỏe (các trường hợp ung thư tăng cao được cho là có liên quan đến thực phẩm không an toàn). Chúng tôi nhận thấy rằng chủ đề này cũng là mối quan tâm lớn đối với Chính phủ, với Bộ trưởng mới của Bộ Nông nghiệp, Quốc Hội và hơn hết là người dân Việt Nam.

Thứ hai, chúng tôi muốn đề cập đến những lo ngại về việc tiếp cận thị trường với hạt giống, thuốc trừ sâu và phân bón tại Việt Nam và các quốc gia láng giềng.

Vấn đề này liên quan đến mục đích cuối cùng là: sự bền vững của ngành nông nghiệp. Việc phát triển ngành nông nghiệp bền vững và sử dụng công nghệ cao là một trong những mục tiêu chính của Chính phủ. Thông qua việc tăng cường phát triển bền vững, Việt Nam có thể duy trì ngành sản xuất nông nghiệp mà không bị tác động bởi môi trường cũng như năng suất tiềm năng trong tương lai. Khi những bước tiến của Việt Nam đều hướng tới sự công nhận của quốc tế thì điều quan trọng là phải giải quyết những vấn đề về môi trường và tính bền vững khi mà đây thường là yêu cầu của các nhà nhập khẩu và cũng được đề cập trong các thỏa thuận như Hiệp định thương mại tự do FTA.

Có một số vấn đề đã từng được nhóm Công tác đưa ra trước đây nhưng được đề cập lại vì theo quan điểm của chúng tôi, chúng đã không được giải quyết (một cách hợp lý) hoặc vẫn chưa được giải quyết. Ở cuối báo cáo này, chúng tôi sẽ đưa ra tổng quan về những vấn đề, bao gồm những cập nhật về tình hình hiện tại và những việc mà chúng tôi cho rằng cần phải thực hiện.

Báo cáo mở đầu với phần tóm tắt bao gồm tổng quan ngắn gọn về các vấn đề khác nhau trong bốn phần cũng như các kiến nghị có liên quan. Sau đó sẽ là mô tả chi tiết về các vấn đề này, những tác động và cách thức giải quyết.

Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn tới những thành viên đã hỗ trợ hoàn thiện báo cáo này, nhất là khi chúng tôi cần những kiến thức chuyên môn để thực hiện báo cáo này.

TÓM TẮT

Phần đầu của báo cáo này nói về an toàn thực phẩm; vì hiện nay nó đang khiến Việt Nam bỏ lỡ những cơ hội xuất khẩu cũng như gia tăng chi phí chăm sóc sức khỏe (các trường hợp ung thư tăng cao được cho là có liên quan đến thực phẩm không an toàn). Đặc biệt, chúng tôi sẽ nêu vấn đề và đưa ra các giải pháp cho việc truy xuất nguồn gốc, thành lập một Cơ quan An toàn Thực phẩm Trung ương độc lập, nâng cao chất lượng của các phòng thí nghiệm và thử nghiệm, thực thi pháp luật và đánh giá dựa trên rủi ro.

Thứ hai, chúng tôi đề cập đến những lo ngại về việc tiếp cận thị trường ở cả Việt Nam và các quốc gia láng giềng của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Chúng tôi đưa ra những xem xét cụ thể về việc mở cửa thị trường cho FDI, giúp thúc đẩy nền kinh tế, cho phép đổi mới, hiện đại hóa ngành nông nghiệp và từ đó nâng cao tiêu chuẩn sản xuất của các sản phẩm Việt. Chúng tôi cũng sẽ đề cập các vấn đề liên quan đến hạt giống, các sản phẩm bảo vệ cây trồng và phân bón với mục đích cuối cùng hướng tới tính bền vững của ngành nông nghiệp.

Cuối cùng, chúng tôi muốn xét đến các tác động của biến đổi khí hậu và việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên như nước đối với tính bền vững của ngành nông nghiệp.

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ TẠI DIỄN ĐÀN THƯỜNG NIÊN 2015

THỰC PHẨM + NÔNG NGHIỆP			
	Vấn đề/chủ đề	Nội dung	Tình trạng
1	An toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Truy xuất nguồn gốc ▪ Thực thi pháp lý ▪ Thí nghiệm và thử nghiệm ▪ Hợp tác và hài hòa hóa ▪ Phát triển các thông lệ tốt nhất ▪ Thành lập Cơ quan An toàn thực phẩm Trung ương độc lập 	Được cải thiện
2	Tiếp cận thị trường	<p>Doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tiếp cận thị trường trong nước đối với các doanh nghiệp Việt Nam ▪ Tiếp cận thị trường trong nước (Việt Nam) đối với các doanh nghiệp nước ngoài ▪ Tiếp cận thị trường nước ngoài đối với các doanh nghiệp trong nước <p>Công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay đổi về thủ tục đăng ký ▪ Trở ngại trong thủ tục giới thiệu công nghệ mới ▪ Cạnh tranh về sản phẩm nông nghiệp đầu vào chất lượng tốt và việc áp dụng (bao gồm quyền Sở hữu trí tuệ và thuế) ▪ Chọn lựa và áp dụng những công nghệ phù hợp với thị trường Việt Nam 	Được cải thiện
3	Tiêu chuẩn chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hạt giống và cây giống 	Cần phát triển hoặc cải thiện
4	Thực thi chính sách	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vai trò của chính quyền địa phương và các hiệp hội ngành nghề ▪ Tuân thủ ▪ Gánh nặng trong việc thực hiện thủ tục hành chính 	Cần phát triển hoặc cải thiện

		<ul style="list-style-type: none">▪ Quá nhiều quy định trong quá nhiều văn bản và mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật▪ Mặc định hướng dẫn thi hành Luật và quy định▪ Các quy định không hợp lý (cụ thể về tái nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa)	
5	Nông nghiệp bền vững	<ul style="list-style-type: none">▪ Dự thảo Nghị định về các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài trong ngành nông nghiệp▪ Tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp (Việt Nam và nước ngoài)▪ Sản phẩm nông nghiệp đầu vào chất lượng bao gồm Thuốc trừ sâu và Phân bón▪ Hiện đại hóa và phát triển bền vững ngành Nông nghiệp	Cần phát triển hoặc cải thiện

BÁO CÁO CHI TIẾT

1. An toàn thực phẩm

1.1. Giới thiệu

An toàn thực phẩm là một vấn đề ở Việt Nam trong nhiều năm và nó gây ảnh hưởng đến cái nhìn của thế giới về các sản phẩm Việt Nam. Việt Nam không có uy tín tốt về an toàn thực phẩm, do đó các quốc gia nhập khẩu thường ngần ngại khi nhập khẩu thành phẩm. Các sản phẩm bị coi là chất lượng thấp dẫn đến giá thành rẻ cũng như không an toàn. Trong những tháng gần đây, một số vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm nhận được nhiều sự quan tâm của người tiêu dùng trên toàn cầu, kéo theo là mối quan ngại của các nhà nhập khẩu. Các cảnh báo thường xuyên được đưa ra và các lô hàng bị cấm vì những vấn đề an toàn thực phẩm, như hàm lượng vượt mức của thuốc kháng sinh, thuốc trừ sâu, hoóc-môn hay vi khuẩn; hoặc sản phẩm không được tiêu thụ vì coi là có chứa chất gây ung thư và do đó bị cấm nhập khẩu.

Chúng tôi nhận thấy rằng an toàn thực phẩm là mối quan tâm lớn của Chính phủ, của cả nguyên Bộ trưởng và Bộ trưởng đương nhiệm, Quốc Hội và hơn hết là người dân Việt Nam. Chúng tôi cũng biết rằng rất nhiều những sáng kiến được đưa ra và các dự án được thực hiện để cải thiện điều này. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cần thực hiện nhiều hơn nữa và đặc biệt những vấn đề trên cần được giải quyết để cải thiện tình hình an toàn thực phẩm và lấy lại lòng tin đối với thực phẩm và nông sản Việt Nam, để Việt Nam có thể trở thành quốc gia sản xuất và xuất khẩu thực phẩm, nông sản hàng đầu thế giới.

Chúng tôi vui mừng không chỉ vì nhiều sáng kiến đã được thực hiện để nâng cao nhận thức, mà còn vì khả năng cung cấp thực phẩm an toàn, như tháng hành động vì an toàn thực phẩm trong tháng 04/2016, phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất thực phẩm an toàn từ cả khu vực công và tư. Các bài báo đã chỉ ra rằng mặc dù vậy nhưng vẫn còn rất nhiều nhu cầu cần đáp ứng. Ở cấp quốc gia và địa phương, các cơ quan Chính phủ đã nhấn mạnh sự cần thiết trong việc xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến quản lý an toàn thực phẩm, như hiện nay là không rõ ràng. Cần phát triển một phương pháp tiếp cận chuỗi cung ứng để giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm hiệu quả.

Vấn đề an toàn thực phẩm không chỉ phát sinh do việc sử dụng các chất hóa học và phụ gia bị cấm trong chăn nuôi và sản xuất thực phẩm, hàng hóa nhập lậu, sử dụng sai và lạm dụng các hóa chất bảo vệ cây trồng trong canh tác nông nghiệp, mà còn bởi việc sản xuất, xử lý sau thu hoạch, bảo quản/lưu trữ và vận chuyển không đúng cách, chất lượng các phòng thí nghiệm cũng như việc thực thi pháp luật không đủ nghiêm ngặt.

Về an toàn thực phẩm, báo cáo này sẽ nêu ra các vấn đề về quản lý an toàn thực phẩm, đánh giá dựa trên rủi ro, truy xuất nguồn gốc, vấn đề nhận thức và đào tạo, thí nghiệm và thử nghiệm, sửa đổi Luật Thú y và Phúc lợi động vật, quy định và thực thi pháp luật, thuốc trừ sâu/kháng sinh/phân bón giả và kém chất lượng.

1.2. Quản lý An toàn thực phẩm

Mặc dù Chính phủ và các cơ quan thuộc Chính phủ đã có những bước hành động nhưng việc Quản lý an toàn thực phẩm vẫn chưa được thực hiện đúng cách. Hiện nay, vấn đề này được giao cho 3 Bộ và nhiều cơ quan khác nhau quản lý và do đó phát sinh ra các vấn đề an toàn thực phẩm nhiều hơn mức cần thiết. Thường thì mỗi cơ quan có quy định riêng, bị chồng chéo hay thậm chí mâu thuẫn với nhau. Chẳng hạn như, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấm nhập khẩu salbutamol, nhưng Bộ Y tế lại cho phép nhập khẩu vì đây là chất hóa học cần thiết trong sản xuất thuốc. Hơn nữa, các cơ quan này không phải lúc nào cũng có quyền xử phạt vi phạm. Theo quan

điểm của chúng tôi, một Cơ quan An toàn Thực phẩm (FSA) Trung ương độc lập sẽ giải quyết vấn đề này. Cơ quan FSA cũng có thể hài hoà hóa và điều phối soạn thảo luật và các quy định cũng như việc áp dụng và thực thi. Do đó chúng tôi đồng tình với sáng kiến thành lập một cơ quan độc lập tại thành phố Hồ Chí Minh và chúng tôi hy vọng thí điểm này sẽ được nhân rộng.

Đề xuất

- Thông qua sáng kiến để thành lập một Cơ quan an toàn thực phẩm độc lập tại TP. Hồ Chí Minh;
- Giám sát sáng kiến này một cách chặt chẽ;
- Thành lập Cơ quan An toàn thực phẩm độc lập cấp quốc gia.

1.3. Sản phẩm giả và kém chất lượng

Việc sử dụng các nguyên liệu bảo vệ thực vật, kháng sinh, nguyên liệu chế biến thực phẩm, phân bón, hạt giống, chất phụ gia thực phẩm nhập khẩu trái phép, giả mạo và bất hợp pháp cũng như các sản phẩm không đạt chuẩn gây ra các vấn đề an toàn thực phẩm. Một vấn đề liên quan là các nhãn hiệu hay hướng dẫn sử dụng đều không rõ ràng. Nông dân và người gia công không phải lúc nào cũng ý thức được điều này và sử dụng sai sản phẩm hoặc không đúng liều. Chúng tôi cho rằng việc thiếu đào tạo hay trách nhiệm nhận thức về nguy cơ khi sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật, kháng sinh và các chất phụ gia góp phần tác động tiêu cực đến thành phẩm an toàn và sức khỏe. Nông dân thường không nhận thức được những rủi ro trong việc lạm dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật và thuốc kháng sinh, không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của chính họ mà còn cả ngành nuôi trồng thủy sản và nguồn nước theo hướng tiêu cực. Hơn nữa, việc sử dụng kháng sinh vô trách nhiệm gây kháng thuốc và tỷ lệ kháng ở Việt Nam đã trở thành một trong những mức cao nhất trên thế giới. Khi người nông dân nhận thức được rủi ro, họ có thể vẫn lạm dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật và thuốc kháng sinh. Thứ nhất do họ tin rằng việc đó giúp giảm nguy cơ sản phẩm cây trồng kém chất lượng và thứ hai là để tránh cho vật nuôi nhiễm bệnh. Chính phủ nhận thức được rằng kháng thuốc là một vấn đề, nhưng sự nhận thức này cần phải được phổ biến đến các cấp độ nhà sản xuất, nhà bán lẻ và người tiêu dùng. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng đào tạo và nâng cao nhận thức có tác động tích cực đến việc hạn chế sử dụng.

1.3.1 Bộ luật Hình sự

Chúng tôi cũng mong đợi hiệu quả từ Bộ luật hình sự sửa đổi có hiệu lực từ 01/07/2016 về chống sử dụng hàng giả và hóa chất cấm. Chúng tôi hi vọng Bộ luật sửa đổi này sẽ làm giảm các vi phạm an toàn thực phẩm và gia tăng danh tiếng của Việt Nam trong vai trò là một nhà sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn.

Dù vậy, chúng tôi tin rằng cần có sự phân chia rõ ràng hơn giữa hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe và các loại vi phạm khác, như nhãn hiệu không chính xác. Các vi phạm khác này nên được xử như các tội kinh tế và do Bộ Công thương quản lý. Điều này sẽ giúp có nhiều thanh tra hơn cho các vấn đề an toàn thực phẩm thực sự đe dọa đến sức khỏe.

1.3.2 Hàng giả

Việc sử dụng các loại phân bón giả hoặc các sản phẩm có tỷ lệ thấp hơn những gì ghi trên nhãn đang tăng cao, làm tổn hại đến ngành nông nghiệp và những người làm nông trên nhiều phương diện. Chúng tôi nhận thấy rằng phân bón giả - cũng như các hóa chất bị cấm trong lĩnh vực chăn nuôi - là một mối lo ngại lớn đối với Bộ NN&PTNT. Trong năm 2014, công tác quản lý các ngành công nghiệp phân bón vô cơ đã chuyển từ Bộ NN&PTNT sang Bộ Công Thương. Chúng tôi đồng ý với Tổng Thư ký Hiệp hội Phân bón Việt Nam rằng việc quản lý yếu kém - như đối với an toàn thực phẩm - là do 2 Bộ phụ trách các bộ phận khác nhau của ngành này. Điều này - cũng như đối với an toàn thực phẩm - gây ra sự nhầm lẫn, thiếu minh bạch và không đủ nghiêm khắc trong việc xử phạt người vi phạm. Một vấn đề khác là có quá nhiều loại phân bón có sẵn

làm cho người nông dân khó khăn hơn trong việc phân biệt hàng giả với hàng thật, và có quá nhiều công ty để có thể kiểm tra tất cả số đó.

Chính phủ nhận thấy việc buôn lậu hàng giả là một vấn đề, nhưng giờ nó cần được xử lý một cách nghiêm khắc hơn. Chúng tôi hy vọng rằng Bộ luật hình sự sửa đổi có hiệu lực vào ngày 01/07 sẽ giúp ích cho điều này và việc kiểm soát sẽ chặt chẽ hơn. Chúng tôi đã đề xuất ra một Bộ chịu trách nhiệm về ngành công nghiệp phân bón vì việc chống hàng giả sẽ trở nên dễ dàng giúp cải thiện vấn đề an toàn thực phẩm và tăng chất lượng nông sản, giảm tác hại cho môi trường cũng như sức khỏe con người. Vì vậy, việc thực thi tốt hơn kết hợp với tăng cường nhận thức và đào tạo, như đã đề cập trong phần giới thiệu, sẽ làm cho Việt Nam có thể trở thành một nước sản xuất và xuất khẩu nông sản, thực phẩm lớn trên toàn cầu.

Đề xuất

- Tăng cường nhận thức của người nông dân, các nhà sản xuất và nhà bán lẻ về những hậu quả tiêu cực của việc sử dụng vô trách nhiệm các sản phẩm giả không đạt chuẩn;
- Nâng cao nhận thức về hậu quả của việc sử dụng vô trách nhiệm các sản phẩm bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh và chất phụ gia thực phẩm (giả và không đạt chuẩn) cho nông dân, nhà sản xuất và nhà bán lẻ;
- Đào tạo cho người nông về sử dụng có trách nhiệm các sản phẩm bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh và chất phụ gia với đầu vào và sự hỗ trợ của khối tư nhân.

1.4. Truy xuất nguồn gốc

Truy xuất nguồn gốc đóng vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề an toàn thực phẩm, và chúng tôi hy vọng rằng các nhà sản xuất sẽ sử dụng nó nhiều hơn nữa cũng như các cơ quan nhà nước sẽ thực thi các quy định hiện hành. Từ các bài báo, có thể thấy rõ người tiêu dùng không tin tưởng vào nhãn "an toàn" và "hữu cơ" vì họ không biết có nên tin hay không khi có những trường hợp các cụm từ này bị lạm dụng. Tương tự với thông tin truy xuất nguồn gốc trên nguyên liệu đóng gói. Trường hợp lạm dụng cần được xử phạt nghiêm khắc. Đây là loại hành vi phạm tội chưa được kiểm soát bởi luật hình sự sửa đổi. Có kiến nghị rằng việc thực thi các luật về nhãn nên được thực hiện nghiêm hơn trong các siêu thị khi mà họ bán các sản phẩm đóng gói có uy tín về mặt lý thuyết với tỷ lệ nhiều hơn. Như vậy họ thường tính một khoản cao hơn để bán các sản phẩm này cho những người tiêu dùng mong muốn chất lượng đảm bảo. Người nông dân đáp ứng được kỳ vọng về an toàn thực phẩm có thể được thúc đẩy bởi Chính phủ thông qua quy định và sự kiểm soát nhà bán lẻ về các sản phẩm mà họ đang bán. Việc chuyên sang nền kinh tế siêu thị sẽ tăng cường khả năng của Chính phủ để đảm bảo nguồn gốc cũng như chất lượng các sản phẩm được bán ra.

Đề xuất

- Sửa đổi Luật hình sự và quy định việc lạm dụng các từ "an toàn" và "hữu cơ" đối với các sản phẩm là phạm tội hình sự;
- Sửa đổi Luật hình sự và quy định thông tin truy xuất nguồn gốc và nhãn hiệu không chính xác là phạm tội hình sự.

1.5. Phòng thí nghiệm và các xét nghiệm

Tuy nhiên, ngay cả với một hệ thống truy xuất nguồn gốc tốt và việc thực hiện pháp luật nghiêm khắc, các phòng thí nghiệm và các xét nghiệm ở Việt Nam vẫn chưa đạt tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn thực phẩm và do đó, chưa tạo được lòng tin khi mà những vấn đề an toàn thực phẩm có thể dễ dàng phát hiện ra lại không bị phát hiện.

Việc phân tích phổ rộng các hoạt chất sẽ dễ dàng phát hiện các MRL (Mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép) nhưng tiếc là Việt Nam không thể thực hiện được. Hơn nữa, phương pháp kiểm định kim loại nặng hiện hành chỉ nên tập trung vào những kim loại nặng thực sự ảnh hưởng đến sức khỏe con người, động vật và thực vật. Tương tự với thuốc trừ sâu hoặc thuốc kháng sinh tồn dư. Số lượng mẫu thường không đại diện cho số lượng nhập khẩu hoặc xuất khẩu. Bên cạnh đó, các kết quả ở mỗi xét nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm có thể khác nhau, làm giảm lòng tin của mọi người đối với phòng thí nghiệm ở Việt Nam. Chi phí cho các công ty tăng lên vì họ phải xét nghiệm lại (nhiều lần) và điều này sẽ làm cho các sản phẩm Việt kém cạnh tranh. Các kết quả trái ngược cũng tác động đến sức khỏe của người dân bởi rất khó để biết lúc nào sản phẩm an toàn.

Mặc dù có những giới hạn nhưng các nhà bán lẻ lại không tuân thủ và các mẫu ngẫu nhiên hiếm khi được lấy để báo cho nhà sản xuất, nhà bán lẻ cũng như để bảo đảm an toàn sản phẩm. Việc thường xuyên lấy mẫu ngẫu nhiên sẽ buộc bán lẻ phải chịu trách nhiệm hơn đối với sản phẩm bán ra cũng như nhà sản xuất với những sản phẩm đưa ra thị trường và xuất khẩu, từ đó giảm số lượng hàng bị loại bỏ.

Kết quả xét nghiệm của các phòng thí nghiệm tại Việt Nam nói chung cũng không tương thích với kết quả của các phòng thí nghiệm khác cho nên nó không tạo được niềm tin. Đây là một trong số những hậu quả do thực tế là Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (VILAS) cơ bản chỉ có ý nghĩa đối với chứng nhận ISO 17025. VILAS không đảm bảo độ tin cậy của kết quả hay các tiêu chuẩn chất lượng cao cũng như không cung cấp các hướng dẫn phù hợp và các thông lệ đối với các thông số quan trọng. Chính phủ nên nhìn trên quan điểm của chúng tôi để xem những tiêu chuẩn cao, những hướng dẫn và thông lệ này có thể được phát triển như thế nào, ví dụ các mô hình như mô hình 36 của Ủy ban Công nhận Pháp (Cofrac). Văn phòng Công nhận Chất lượng hoặc một pháp nhân chính quyền khác có thể phát triển một tiêu chuẩn như vậy. Các phòng thí nghiệm cần phải đáp ứng được các yêu cầu của chứng nhận ISO 17025. Sự công nhận lẫn nhau và niềm tin vào kết quả xét nghiệm sẽ được đảm bảo khi các quy định bổ sung đưa ra các phương pháp đáng tin và từ đó ra được kết quả xét nghiệm tin cậy. Theo quan điểm của chúng tôi, mô hình công nhận tiêu chuẩn chất lượng cao mới này sẽ giúp các nhà nhập khẩu lấy lại niềm tin đối với kết quả xét nghiệm từ các phòng thí nghiệm Việt Nam và rồi nhu cầu về các sản phẩm của Việt Nam sẽ tăng lên.

Đề xuất

- Quy định và kiểm soát việc sử dụng các kim loại nặng trong nước và đất dùng để phát triển sản xuất nông nghiệp hoặc nuôi trồng, phát triển động vật như tôm;
- Khuyến khích sử dụng các máy móc thiết bị và phương pháp từ các nhà sản xuất, chế tạo để kiểm soát nguyên liệu và thành phẩm (như AAS, ICP-OES hay ICP-MS);
- Xây dựng và khuyến khích xây dựng một mạng lưới các phòng thí nghiệm uy tín;
- Cải thiện các phương pháp lấy mẫu bằng cách lấy mẫu đại diện và sử dụng các phương pháp lấy mẫu chính xác;
- Thiết lập một hệ thống lấy mẫu và xét nghiệm ngẫu nhiên;
- Củng cố việc thực thi quy định về an toàn thực phẩm khi các doanh nghiệp và cá nhân không tuân thủ;
- Xây dựng một mô hình tương tự như Cofrac 36 cho VILAS;
- Thiết lập một ủy ban gồm các chuyên gia với sự góp mặt của đại diện chính phủ và phòng thí nghiệm tư (nước ngoài) để nghiên cứu các tiêu chuẩn hiện hành ở các quốc gia khác; đồng thời phát triển và thực hiện các tiêu chuẩn rõ ràng cho các thông số khác nhau được sử dụng trong quản lý an toàn thực phẩm.

1.6. Đánh giá dựa trên rủi ro

Theo Hiệp định về Các biện pháp Kiểm dịch động thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh giá rủi ro là một công cụ SPS không thể thiếu mà mọi thành viên của WTO đều phải có khả năng thực hiện. Việt Nam chưa tuân thủ hoàn toàn Hiệp định SPS và do vậy, các doanh nghiệp không thể hưởng lợi một cách toàn diện từ các hiệp định thương mại tự do và việc tiêu thụ nội địa được coi là không (đủ) an toàn. Như Hiệp định SPS đã khuyến khích, theo quan điểm của chúng tôi, Việt Nam nên chấp nhận Giấy chứng nhận SPS từ các nước xuất khẩu có cùng cấp (hoặc cao hơn) về mức độ bảo vệ sức khỏe và không yêu cầu kiểm tra lại. Ở khía cạnh này, cũng rất quan trọng khi Việt Nam có những biện pháp phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Chúng tôi hiểu rằng hiện nay, Việt Nam đang tiến hành sửa đổi Luật An toàn thực phẩm và chúng tôi muốn đề nghị tăng cường khả năng sử dụng phương pháp dựa trên rủi ro này, nhưng quan trọng hơn là để tăng cường khả năng áp dụng phương pháp này. Một số công cụ hữu ích, như công cụ được phát triển bởi SSAFE, đã được sử dụng cho doanh nghiệp để đánh giá các rủi ro khác nhau khi sản xuất thực phẩm. Một công cụ như vậy có thể là cơ sở để phát triển một công cụ dành cho Chính phủ. Cuối cùng, chúng tôi tin rằng một Cơ quan An toàn thực phẩm độc lập sẽ giúp cho việc phát triển và quản lý này.

Đề xuất

- Hoàn thiện việc thực hiện Hiệp định SPS của WTO;
- Áp dụng việc đánh giá dựa trên rủi ro;
- Đưa các yêu cầu SPS đạt tiêu chuẩn toàn cầu;
- Chấp nhận Giấy chứng nhận SPS từ các nước xuất khẩu cùng cấp (hoặc cao hơn) về mức độ bảo vệ sức khỏe và không yêu cầu kiểm tra lại.

1.7. Quy định và thực thi pháp luật

1.7.1 Giới thiệu

Chúng tôi biết các quy định ở mỗi nước là khác nhau, nhưng một số thị trường được coi là “có tính tham khảo cho các nước khác”. Chúng tôi tin rằng để Việt Nam trở thành một nhà xuất khẩu hàng đầu, cần phải học tập theo các quốc gia này và điều chỉnh tương tự cũng như soạn thảo các quy định cùng loại. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các chất phụ gia vì các thương hiệu quốc tế lớn và người tiêu dùng cảm thấy lo ngại khi họ ngày càng ý thức hơn về những tác hại đối với sức khỏe.

1.7.2 Luật Thú y và Phúc lợi Động vật

Ở nhiều quốc gia như Úc, Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ, phúc lợi động vật được coi là một vấn đề quan trọng. Chúng tôi được khuyến khích bằng việc nghiên cứu mở rộng về Luật Thú y số 79/2015/QH13 có hiệu lực từ 01/07/2016. Luật này sẽ hỗ trợ việc thực thi đối với các vấn đề an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và tăng cường các biện pháp kiểm soát đối với động vật và sản phẩm từ động vật trong quá trình xử lý. Đáng chú ý là việc dẫn chiếu cụ thể đến phúc lợi động vật. Gần đây có những bài báo đưa tin về cách giết mổ động vật ghê rợn ở Việt Nam. Do đó, việc nghiêm túc thực thi Luật mới này là rất quan trọng. Chúng tôi sẽ khuyến khích phát triển các bài báo về phúc lợi động vật hơn nữa và cũng để hình thành các tiêu chuẩn phù hợp với Tổ chức Thú y thế giới (OIE) hướng dẫn về phúc lợi động vật.

Theo quan điểm của chúng tôi, điều quan trọng là cần hợp pháp hóa trên bình diện quốc tế thiết bị giết mổ hiện đại được cho phép sử dụng tại các lò mổ như các thiết bị gây mê động vật trước khi giết mổ. Chúng tôi tin rằng việc thiết lập và thực thi các tiêu chuẩn phù hợp với OIE sẽ tăng cường các mối quan hệ giao thương với các đối tác quốc tế và cải thiện an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng. Hợp pháp hóa thiết bị giết mổ hiện đại cũng sẽ cải thiện an toàn lao động cho công nhân, giảm đau đớn và mệt mỏi cho các loài động vật, đồng thời nâng cao chất lượng thịt. Những bước này phải được kết hợp với việc cải tiến, hợp nhất hoặc đóng cửa các lò mổ nhỏ có

chất lượng thấp hơn. Điều này sẽ đem đến một sân chơi bình đẳng hơn cho những người đầu tư vào việc cải thiện thực hành giết mổ và an toàn thực phẩm.

Đề xuất

- Thành lập một nhóm công tác bao gồm đại diện của các ngành công nghiệp khác nhau có kinh nghiệm trong khu vực và quốc tế để hỗ trợ Việt Nam trong việc phân tích nếu tất cả các chủ đề có liên quan về chất phụ gia được đề cập, từ đó giúp Việt Nam phù hợp với các kỳ vọng và tiêu chuẩn quốc tế;
- Thực thi một cách nghiêm túc Luật Thú y sửa đổi gần đây;
- Xây dựng tiêu chuẩn phúc lợi động vật phù hợp với những tiêu chuẩn của OIE;
- Hợp pháp hóa trên bình diện quốc tế thiết bị giết mổ hiện đại được cho phép sử dụng tại Việt Nam;
- Xây dựng chiến lược để cải tiến, hợp nhất hoặc đóng cửa các lò mổ nhỏ có chất lượng thấp hơn để tạo ra một sân chơi bình đẳng;
- Thực thi một cách nghiêm túc Bộ Luật Hình sự sửa đổi gần đây về vi phạm an toàn thực phẩm;
- Có sự phân chia rõ ràng hơn giữa hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe và các loại vi phạm khác;
- Theo dõi và giám sát chặt chẽ hơn việc sử dụng các nguyên liệu bảo vệ thực vật, các chất phụ gia thực phẩm, nguyên liệu chế biến thực phẩm;
- Giảm số lượng phân bón được cấp phép để đem lại sự rõ ràng cho người dùng và dễ dàng chống hàng giả;
- Thực thi quy định hiện hành về nghiêm cấm việc (tự nguyện) bán, sản xuất và buôn lậu hàng giả cũng như các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, việc sử dụng hàng giả và các sản phẩm bất hợp pháp, việc sử dụng nhãn và hướng dẫn rõ ràng cho sản phẩm như các sản phẩm bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh.

1.8. Liên lạc

Cuối cùng, chúng tôi tin rằng Chính phủ cùng với các phương tiện truyền thông nên phát triển một chiến lược để trao đổi thông tin tốt nhất trong các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm. Việc không nhất quán trong báo cáo ví dụ như vụ thảm họa môi trường ở miền trung Việt Nam và chì trong đồ uống URC đã gây ra hoang mang cho người dân nhiều hơn chúng ta nghĩ.

Khuyến nghị

Phát triển một chiến lược truyền thông để trao đổi thông tin về các vấn đề an toàn thực phẩm

1.9. Tiêu chuẩn SPS

Liên quan tới tiêu chuẩn SPS chúng tôi muốn chỉ ra rằng đối với năm có sự mâu thuẫn giữa Thông tư 30/2014/TT-BNNPTNT và Quyết định 2515 của Bộ NN&PTNT.

Khuyến nghị

Loại bỏ những mâu thuẫn trong tiêu chuẩn SPS giữa các quy định hiện hành

2. Tiếp cận thị trường

2.1. Giới thiệu

Hiện nay Việt Nam nhập khẩu nhiều sản phẩm nông nghiệp (bao gồm cả các nguyên liệu thô) hơn xuất khẩu và những sản phẩm nhập khẩu cạnh tranh với những sản phẩm sản xuất trong

nước cả về giá cả và chất lượng. Hơn thế nữa, xuất nhập khẩu của Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc. Theo quan điểm của chúng tôi điều này có thể và cần phải được thay đổi vì một số lý do. Tuy nhiên, để đạt được điều này thì nhiều vấn đề phải được thảo luận và giải quyết. Trong những phần phía trên chúng tôi đã nêu ra rằng an toàn thực phẩm là một trong những lý do tại sao Việt Nam không xuất khẩu được nhiều như khả năng của mình.

2.2. Thực tiễn thuế quan tốt

Việt Nam muốn có một nền nông nghiệp bền vững. Để đạt được điều này, quan trọng là người nông dân phải có thể có được những sản phẩm chất lượng cao¹ sản xuất ở Việt Nam hoặc nhập khẩu nếu không sản xuất được trong nước. Tuy nhiên, gần đây – theo kinh nghiệm của chúng tôi – nó càng trở nên khó khăn hơn trong việc nhập khẩu những sản phẩm (không có mặt tại Việt Nam) cần có để đạt được mục tiêu này. Theo quan điểm của chúng tôi ngoài những nguyên nhân khác là do pháp luật không rõ ràng và các quy định mà có thể được giải thích theo (quá) nhiều cách, rất phức tạp và vì vậy trở thành những thủ tục tốn kém và mất thời gian, và việc thiếu thực tiễn thuế quan tốt làm chậm quá trình nhập khẩu vì những lý do không rõ ràng và không cần thiết. Chúng tôi hiểu rằng cần có sự kiểm soát, nhưng cơ sở cho sự kiểm soát thì cần phải rõ ràng, chứ không nên dẫn tới nhiều cách giải thích, dựa trên rủi ro và độ tin cậy cao nhiều hơn; tất nhiên là với những hậu quả nghiêm khắc nếu các công ty không tuân thủ. Sự phức tạp, nhiều cách giải thích và không rõ ràng này làm mất quá nhiều thời gian để có thể tạo thuận lợi và vì thế làm giảm niềm tin vào Việt Nam.

Khuyến nghị

Phát triển một khung pháp lý rõ ràng để tạo thuận lợi cho thương mại bao gồm cả xuất nhập khẩu

2.3. Tiếp cận với các quốc gia láng giềng

Việt Nam nhập khẩu rất nhiều các sản phẩm nông nghiệp từ các quốc gia láng giềng như Thái Lan và Trung Quốc. Tuy nhiên, Việt Nam lại xuất khẩu tương đối ít sang các quốc gia láng giềng. Chúng tôi tin rằng Việt Nam nên đàm phán những điều kiện tiếp cận thị trường tốt hơn cho những sản phẩm của mình.

Khuyến nghị

Tạo ra tiếp cận thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp trong các quốc gia láng giềng.

2.4. Phân bón

2.4.1 Giới thiệu

Trong năm 2014, việc quản lý một phần của lĩnh vực phân bón đã được chuyển từ Bộ NN&PTNT sang cho Bộ CT với ý tưởng rằng sẽ giảm bớt số lượng các nhà sản xuất vi phạm hoặc hoạt động kém bởi vì họ sẽ không đáp ứng được các yêu cầu của giấy phép, và giảm số lượng này xuống còn 300. Bước đi này được xem là cần thiết để tăng tính cạnh tranh trong ngành nghề và tăng chất lượng của sản phẩm. Tuy nhiên, có vẻ như là ý tưởng này đã không thành hiện thực bởi lẽ theo như Hiệp hội Các nhà sản xuất phân bón, hiện tại có khoảng 1000 nhà sản xuất và kể cả những nhà sản xuất không đạt tiêu chuẩn vẫn xoay xở để có được giấy phép hoặc đang hoạt động trái phép – mà không phải chịu hậu quả pháp lý. Theo quan điểm của chúng tôi điều này làm mất đi cơ hội và dẫn đến việc gia tăng số lượng sản phẩm giả và kém chất lượng thâm nhập vào thị trường mà ngược lại ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm. Theo quan điểm của chúng

¹ Những sản phẩm này có thể là máy móc, sản phẩm bảo vệ nông sản, hạt giống, phân bón, v.v.

tôi, việc quản lý ngành cần được đặt dưới sự giám sát của một Bộ vì các quy định mâu thuẫn đang gây ra nhiều vấn đề.

2.4.2 Mâu thuẫn giữa các quy định

Chúng tôi muốn đề nghị rằng các quy định ban hành bởi Bộ NN&PTNT mà mâu thuẫn với các quy định ban hành bởi Bộ CT áp dụng đối với việc quản lý các ngành công nghiệp phân bón vô cơ nên được rút lại. Sau đây chúng tôi sẽ liệt kê một số ví dụ mâu thuẫn gây nên các vấn đề.

2.4.1.1 Các tài liệu cần có và mốc thời gian

Cả thông tư 29/2014/TT-BCT và 04/2015/TT-BNNPTNT liệt kê các tài liệu một nhà nhập khẩu cần phải nộp để lô hàng có thể thông quan. Tuy nhiên, loại tài liệu cần có và phương pháp kê khai phù hợp khác nhau cho từng trường hợp làm phức tạp hóa nhập khẩu. Theo quan điểm của chúng tôi, rất quan trọng để có nêu mốc thời gian rõ ràng và danh sách các loại giấy tờ cần thiết được công bố trên trang web của Hải quan và văn phòng hải quan. Bằng cách này nhà nhập khẩu và Hải quan có thể biết các mốc thời gian và tài liệu nào là cần thiết. Điều này sẽ không để lại khoảng trống cho việc giải thích và nhập khẩu một cách dễ dàng và vì vậy người nông dân có thể tiếp cận với các sản phẩm chất lượng cao. Một vấn đề khác nảy sinh từ việc mâu thuẫn trong các thông tư đó là cơ quan ban hành Giấy chứng nhận hợp chuẩn khác nhau tùy theo việc thông tư nào được áp dụng. Điều này gây ra nhiều vấn đề với thủ tục hải quan vì đôi khi hải quan sẽ không chấp nhận giấy chứng nhận được cho là cấp sai cơ quan.

2.4.1.2 Giá trị hiệu lực của giấy chứng nhận hợp chuẩn

Một vấn đề khác gây ra bởi mâu thuẫn giữa các thông tư: cả hai thông tư 29/2014/TT-BCT và 41/2014/TT-BNNPTNT yêu cầu nhà nhập khẩu phân bón phải kê khai phù hợp. Tuy nhiên, hiện tại nhập khẩu phân bón bị chậm trễ bởi Sở Công Thương đòi hỏi kê khai cho từng lô hàng bởi vì không có thời hạn thời gian được đề cập trong thông tư. Chúng tôi muốn đề nghị thời gian hiệu lực dài hơn vì để kê khai hợp chuẩn cho từng lô hàng rất mất thời gian và làm tăng chi phí, đặc biệt khi một công ty nhập khẩu nhiều lô hàng của cùng một sản phẩm hằng tháng. Khi nào có sự thay đổi nhà nhập khẩu cần phải nộp hồ sơ đã chỉnh sửa. Kết quả nếu nhà nhập khẩu không tuân thủ yêu cầu này, có thể là nhà nhập khẩu cần phải nộp tài liệu cho từng lô hàng trong một khoảng thời gian nhất định, hoặc anh ta sẽ không được nhập khẩu trong một thời gian. Nếu thời gian và chi phí được giảm thiểu, nó sẽ tăng khả năng tiếp cận với các sản phẩm chất lượng cao cho người nông dân.

2.4.1.3 Cơ quan ban hành chứng nhận hợp chuẩn

Một vấn đề khác có liên quan mà gây ra nhiều vấn đề với thủ tục hải quan là cơ quan ban hành chứng nhận hợp chuẩn. Tùy thuộc vào thông tư nào hải quan áp dụng, điều này có thể gây ra rất nhiều vấn đề.

2.4.1.4 Kê khai hợp chuẩn

Ví dụ cuối cùng: cả 2 thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT và 29/2014/TT-BCT đều chứa các danh sách hóa chất vô cơ đã được phê duyệt. Khi một công ty muốn nhập khẩu một sản phẩm họ cần phải xin giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc kê khai hợp chuẩn. Một khi đã được cấp thì Sở Công Thương báo cho Bộ Công Thương. Mỗi quý Bộ CT (Cơ quan hóa chất Việt Nam) nên công bố một danh sách cập nhật trên website của họ để sử dụng cho thủ tục hải quan mà không cần giấy phép nhập khẩu. Vì đôi khi Bộ CT chưa cập nhật danh sách này và những sản phẩm đã nhận được giấy chứng nhận hợp chuẩn lại không thể thông quan vì nó không có trên website.

2.4.3 Công nhận chứng chỉ nước ngoài (ngoại lệ)

Liên quan tới việc cấp chứng nhận hợp chuẩn là vấn đề sau đây. Gần đây rõ ràng rằng một công ty được Chính phủ công nhận đã ban hành chứng nhận hợp chuẩn mà đáng lẽ nó không nên ban

hành. Kết quả là tất cả những chứng nhận bị hủy bỏ và các sản phẩm cần phải được triệu hồi và kiểm tra lại, thậm chí các sản phẩm đã đang được bán. Theo quan điểm của chúng tôi quyết định này không tương xứng. Đầu tiên bởi vì nhà nhập khẩu nên được cho phép dựa vào sự công nhận của chính phủ về một tổ chức và công ty hoạt động đúng đắn. Thứ hai bởi vì các sản phẩm nhập khẩu từ Châu Âu phải đạt tiêu chuẩn cao và kiểm tra nhiều lần trước khi xuất xưởng. Vì vậy chúng tôi muốn đề nghị trong thời kỳ gián đoạn, kết quả từ phòng kiểm định nước ngoài với tiêu chuẩn tương tự hoặc cao hơn của Việt Nam sẽ được coi là phù hợp cho các sản phẩm đã có trên thị trường.

2.4.4 Phòng thí nghiệm và kiểm định

Phòng thí nghiệm không những quan trọng để tìm ra liệu thực phẩm có an toàn cho con người và động vật. Chất lượng cũng có liên quan đến tiếp cận thị trường của phân bón sau khi ban hành chứng chỉ hợp chuẩn. Bây giờ có nhiều trường hợp phòng thí nghiệm kiểm tra sản phẩm trước khi chúng thâm nhập vào thị trường tìm thấy những kết quả khác so với kết quả thí nghiệm trước khi cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn. Việc kiểm định sẽ được tiến hành lại cho đến khi có được một kết quả thỏa mãn, việc này làm tăng chi phí và giảm lòng tin vào các phòng thí nghiệm và phương pháp kiểm định.

2.4.5 Thuế nhập khẩu và VAT

Những người nông dân không thể chi trả cho các sản phẩm đầu vào chất lượng cao vì những sản phẩm này – không đang được sản xuất – bị tính thuế nhập khẩu lên đến 6%. Nếu một công ty nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất phân bón NPK và sản xuất ở Việt Nam, thuế nhập khẩu sẽ là 0%. Tuy nhiên, chất lượng và kết quả không giống như sản phẩm sản xuất ở nước ngoài. Việc sử dụng những sản phẩm rẻ tiền này có thể hạn chế (thậm chí gây hại) cho sản lượng cây trồng, ảnh hưởng đến chất lượng sản xuất và an toàn thực phẩm (sức khỏe con người) và thậm chí còn có thể dẫn đến axit hóa hoặc ô nhiễm đất. Điều này có thể dẫn đến việc gia tăng sử dụng các loại phân bón trong khi Việt Nam đã là một trong những nước sử dụng nhiều phân bón trên 1 hecta nhất trên thế giới.

Khuyến nghị

- Đề một Bộ chịu trách nhiệm về việc quản lý toàn bộ ngành phân bón
- Rút lại các quy định ban hành bởi Bộ NNPTNT mà mâu thuẫn với các quy định ban hành bởi Bộ CT
- Cho thời hạn kê khai hợp chuẩn là 1 năm cùng với khả năng gia hạn
- Hướng dẫn hải quan chấp nhận chứng chỉ hợp chuẩn đã cấp hoặc kê khai hợp chuẩn thậm chí sản phẩm không được liệt kê trên trang web
- Có các biện pháp phạt nặng vào các công ty không tuân thủ các nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến kê khai hợp chuẩn
- Lên mốc thời gian và danh sách các tài liệu cần thiết để nhập khẩu các hóa chất nông nghiệp
- Hướng dẫn hải quan về mốc thời gian và danh sách tài liệu cần thiết này
- Công bố mốc thời gian và danh sách tài liệu này trên website của hải quan và tại văn phòng hải quan
- Trong giai đoạn chuyển tiếp, chấp nhận kết quả kiểm định của các phòng thí nghiệm châu Âu cho các sản phẩm đã có chứng nhận hợp chuẩn (cho các sản phẩm đang được bán ra và chấp nhận chứng nhận hợp chuẩn mới cho các sản phẩm trong kho)
- Xóa bỏ 6% thuế nhập khẩu cho phân bón chất lượng cao không được sản xuất ở Việt Nam

2.5. Chứng chỉ SPS

Một vấn đề có liên quan đến tiếp cận thị trường và chứng chỉ SPS đó là theo những quy định hiện hành, một số sản phẩm nên được kiểm dịch trước khi nhập khẩu vào Việt Nam. Danh sách

những sản phẩm đòi hỏi phải có chứng chỉ SPS được dựa trên mã HS 8 ký tự và bao gồm cả sản phẩm sống, đông lạnh và bảo quản (nấu chín/tiệt trùng). Điều này có nghĩa là các sản phẩm thức ăn đã nấu chín được kiểm định theo tiêu chuẩn của nguyên liệu sống mà thức ăn đó được làm. Dựa theo các quy định của Việt Nam thì các nhà nhập khẩu phải nộp chứng chỉ SPS từ nước xuất khẩu. Tuy nhiên, việc lấy chứng chỉ này đôi khi rất khó khăn vì có nhiều sự khác nhau giữa tiêu chí phân loại giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Nhìn chung chứng chỉ SPS là cần thiết cho hoa quả và rau củ tươi² khi những sản phẩm này đã được nấu chín và không còn được coi là tươi. Vì vậy sẽ không được cấp chứng chỉ SPS và vì thế không thể tiến hành nhập khẩu. Dù tiến hành đánh giá dựa trên rủi ro cũng không thể cấp chứng chỉ SPS cho những sản phẩm này. Chúng tôi muốn đề nghị rằng các sản phẩm nấu chín/luộc/chế biến mà theo EU hoặc quy định của bên thứ ba là không cần chứng chỉ SPS thì cũng được miễn ở Việt Nam. Theo quan điểm của chúng tôi nó vẫn đầy đủ sản phẩm được kiểm tra trước khi nhập khẩu và đăng ký với Cục Quản lý Thực phẩm Việt Nam.

Khuyến nghị

- Làm cho các quy định của Việt Nam phù hợp với các quy định SPS đang được áp dụng trên toàn thế giới;
- Xóa bỏ yêu cầu chứng chỉ SPS cho hoa quả và rau củ nấu chín/bảo quản.

2.6. Chứng nhận an toàn sức khỏe

Một công ty muốn xuất khẩu trái cây trồng trong nước sang EU. Trái cây được bôi sáp tự nhiên để chống bị mất nước. Ở Việt Nam hiện tại sáp đang bán mới chỉ được cho phép bởi Mỹ, chưa được EU thông qua. Vì vậy công ty muốn nhập khẩu loại sáp mà được EU cho phép. Dựa vào Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 19/2012/TT-BYT công ty cần phải có Chứng nhận hợp chuẩn để có thể nhập khẩu. Để có được chứng nhận này, công ty cần phải chứng minh được rằng sáp thuộc một trong những loại sau: thực phẩm đã chế biến, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật liệu bao bì hoặc chứa có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Sáp không thuộc bất cứ loại nào kể trên mặc dù Việt Nam cho đó là phụ gia thực phẩm. Công ty cần phải nộp Chứng nhận an toàn sức khỏe, với dấu của nước xuất khẩu. Vấn đề là quốc gia xuất khẩu không cấp những giấy tờ đó. Nếu Việt Nam cho phép nhập khẩu sản phẩm này, nó sẽ có cơ hội xuất khẩu một sản phẩm mà có thể cạnh tranh với những sản phẩm từ những nhà xuất khẩu trái cây khác trên thế giới. Những nhà xuất khẩu trái cây này được cho phép sử dụng loại sáp này, và vì thế trái cây của họ rất hấp dẫn với người tiêu dùng ở các nước nhập khẩu, như là EU. Trái cây Việt Nam cũng có tiềm năng tương tự như vậy.

Khuyến nghị

- Xóa bỏ yêu cầu nộp chứng nhận an toàn sức khỏe;
- Cho phép nhập khẩu một sản phẩm mà có thể được sử dụng hợp pháp ở EU dựa trên tài liệu chứng minh rằng nó được cho phép;
- Áp dụng phân tích dựa trên rủi ro cho sản phẩm dựa trên thỏa thuận SPS.

2.7. Chứng nhận xuất xứ

Một công ty xuất khẩu các sản phẩm sản xuất ở Việt Nam từ trái cây trồng trong nước cần phải nộp giấy chứng nhận xuất xứ cho quốc gia nhập khẩu. Chứng nhận này được cấp bởi Phòng Thương mại sau khi tất cả các nhà cung cấp nộp hóa đơn đỏ. Các lô hàng có chứa sản phẩm làm từ 20 loại trái cây và những nguyên liệu khác mua từ lên đến 50 nhà cung cấp mỗi loại nguyên liệu (trong tổng cộng 850 hộ nông dân nhỏ lẻ). Khó khăn đầu tiên là nhà sản xuất không thể truy nguồn trực tiếp từ hộ nông dân và thứ hai là hộ nông dân không thể cung cấp hóa đơn đỏ. Tuy

² Nói chung cho cả khô và tươi ở Việt Nam

nhiên, để có Chứng nhận xuất xứ, hóa đơn từ tất cả 50 nhà cung cấp cho tất cả 20 sản phẩm khác nhau cần được nộp. Trên hết, Sở Công thương hiện đang yêu cầu thư cam kết từ mỗi nhà cung cấp để đảm bảo rằng nguyên liệu thô của họ là từ Việt Nam bởi vì có những công ty mua nguyên liệu nước ngoài rồi trộn vào các sản phẩm của Việt Nam. Khi đơn hàng được chia thành 2 lô các nhà chức trách yêu cầu nộp tất cả tài liệu của 2 lô hàng. Nếu lại có một đơn hàng khác từ cùng một khách hàng, quá trình đó lại phải được lập lại một lần nữa. Điều này làm trì hoãn việc giao hàng. Quá trình lấy Chứng nhận xuất xứ rất tốn thời gian và không hiệu quả và cản trở xuất khẩu vì thời gian vận chuyển cho việc gửi hàng ngắn hơn việc yêu cầu giấy chứng nhận. Điều này có nghĩa là một người mua phải đợi một thời gian dài để một lô hàng có thể được thông quan ở nước đến. Vì vậy khách hàng sẽ nhập khẩu một sản phẩm tương tự từ một quốc gia khác thông quan nhanh hơn. Chúng tôi hiểu rằng các kiểm tra cần phải được thực hiện, tuy nhiên cần phải có một giải pháp khác.

Khuyến nghị

- Áp dụng thủ tục tín nhiệm cao để cấp chứng nhận xuất xứ một lần nữa khi nó đã được cấp cho một sản phẩm cụ thể cho một khách hàng cụ thể để các tài liệu không cần phải được nộp một lần nữa;
- Bắt buộc thực thi một cách nghiêm khắc khi một công ty vi phạm các yêu cầu;
- Áp dụng kiểm tra ngẫu nhiên để xem xét thực tế tuân thủ của các công ty;
- Bắt buộc thực thi các quy định liên quan đến giấy tờ giả về nguồn gốc các sản phẩm Việt Nam bằng cách trọng nguyên liệu Việt Nam với nguyên liệu nước ngoài.

2.8. Sản phẩm bảo vệ thực vật

Đầu năm nay Bộ NNPTNT tạm thời đình chỉ việc đăng ký mới và gia hạn của chất diệt cỏ glyphosate, một thành phần quan trọng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật. Điều này là do báo cáo về an toàn của chất này. Tuy nhiên, chính phủ New Zealand đã xác nhận rằng không có rủi ro sức khỏe nào trong việc sử dụng chất bảo vệ thực vật này và EU đã gia hạn giấy phép cho các nhà sản xuất. Vì vậy theo quan điểm của chúng tôi sản phẩm này nên được cho phép sử dụng lại.

Khuyến nghị

Cho phép sử dụng lại glyphosate

3. Nông nghiệp bền vững

3.1. Phân bón

3.1.1. Cải tiến

Việt Nam muốn có một nền nông nghiệp bền vững. Để đạt được điều này, quan trọng là người nông dân sử dụng phân bón mà có tác động tốt đến việc sản xuất và không gây hại cho môi trường cũng như sức khỏe con người. Chúng tôi đã nhắc đến một số vấn đề trong phần tiếp cận thị trường. Ở đây, chúng tôi muốn hướng đến một vấn đề khác – mà nếu được giải quyết – sẽ dẫn đến một nền nông nghiệp bền vững hơn nữa. Nó là rất quan trọng khi các nhà sản xuất tiếp xúc với người nông dân để tìm hiểu thêm về loại phân bón tốt nhất phù hợp với các yếu tố đa dinh dưỡng vì điều này sẽ cho phép các nhà sản xuất đổi mới và tạo ra các sản phẩm phù hợp mới và tốt hơn. Điều này trong bản thân nó đã rất phức tạp vì các yêu cầu giấy phép. Tuy nhiên, một khi nhà sản xuất đã biết được sản phẩm tốt nhất là gì, họ sẽ chỉ có thể sản xuất những gì được đề cập trong giấy phép sản xuất được cấp. Những sản phẩm được liệt kê với mã HS trong giấy phép và vì thế các nhà sản xuất không thể cải tiến và làm cho các sản phẩm của họ phù hợp để tạo ra một nền nông nghiệp bền vững. Điều này có nghĩa là khi 2 sản phẩm được nhập khẩu và pha trộn ở Việt Nam, mặc dù chỉ là một lượng rất nhỏ yếu tố dinh dưỡng là 0.5% được thêm vào, theo pháp luật là đã tạo ra một sản phẩm mới và không có trong giấy phép. Kết quả là không được cấp chứng nhận hợp chuẩn. Theo quan điểm của chúng tôi quá trình này hạn chế việc tạo ra một nền

nông nghiệp bền vững, bởi vì sử dụng một sản phẩm phù hợp nhất với một môi trường nhất định là rất quan trọng.

3.1.2. Gặp mặt người nông dân

Việc sử dụng một cách vô trách nhiệm các sản phẩm bảo vệ thực vật và phân bón ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và chất lượng sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các công ty sẵn sàng giới thiệu những phương thức tốt nhất cho người nông dân cần phải vượt qua nhiều rào cản hành chính khác nhau để có được giấy phép tổ chức gặp mặt người nông dân. Chúng tôi đề nghị đơn giản hóa quá trình này theo như § 2.2 trong báo cáo tháng 12 năm 2015 của chúng tôi.

Khuyến nghị

- Thay đổi cách thức cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn để cho phép đổi mới.
- Đơn giản và hài hòa hóa các yêu cầu để tổ chức gặp mặt người nông dân.

3.2. Hợp đồng mua và mua lại trực tiếp

Hiện nay các công ty nước ngoài đều bị cấm mua trực tiếp từ người nông dân kể cả khi họ cung cấp nguyên liệu cho nông dân trồng cây. Điều này có nghĩa là phải sử dụng đến trung gian mua các sản phẩm từ người nông dân. Vấn đề là họ thường không quan tâm đến chất lượng và vấn đề an toàn thực phẩm, mà chỉ quan tâm đến giá cả. Kết quả là các sản phẩm chất lượng tốt và kém đều được trộn lẫn vào nhau và kết quả cuối cùng là có chất lượng trung bình và có thể không an toàn. Chúng tôi muốn đề nghị tự do hóa vấn đề này trong một số trường hợp. Ví dụ như, nếu một công ty chỉ sẵn sàng đầu tư dài hạn với người nông dân và nếu như những quy định cụ thể được đáp ứng, ví dụ như bắt buộc phải đào tạo người nông dân, hoặc chuyển giao kiến thức và công nghệ cho người nông dân. Điều này sẽ xóa bỏ việc phải sử dụng trung gian và người nông dân sẽ có thu nhập cao hơn. Đồng nghĩa với việc an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm sẽ được nâng cao, vì vậy vấn đề này có thể được liệt kê là an toàn thực phẩm.

Khuyến nghị

- Cho phép các công ty nước ngoài – đáp ứng được các tiêu chí – thu mua trực tiếp từ người nông dân;
- Xây dựng hệ thống tiêu chí, ví dụ như bắt buộc phải ký hợp đồng dài hạn, đào tạo, chuyển giao kiến thức, công nghệ, mà các công ty nước ngoài phải đạt được để có thể được cho phép mua trực tiếp từ người nông dân.

3.3. FDI

Chính phủ muốn tạo một nền nông nghiệp bền vững và tăng cường đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp (công nghệ cao). Chính lĩnh vực này cũng muốn thu hút thêm FDI. Trong quá khứ, một số dự án được xếp vào loại công nghệ cao đã là chìa khóa để phát triển một nền nông nghiệp cạnh tranh, cải thiện cả về chất lượng lẫn hiệu quả; cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu thụ đa dạng. Trong phần giới thiệu chúng tôi đã chỉ ra rằng sự thành công chính xác và cạnh tranh thông minh, và sự quan trọng của nó cho việc phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

Chúng tôi hài lòng với nghị quyết 19/2016/NQ-NP và 35/2016/NQ-NP mà nhìn chung mục tiêu là để cải thiện tính cạnh tranh và để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân mà được coi là động cơ của công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam. Bộ NNPTNT hiện nay đang xem xét các điều kiện đầu tư và các lĩnh vực có điều kiện trong nông nghiệp và một bản dự thảo đã được trình nhằm giảm ngành nghề kinh doanh có điều kiện từ 99 xuống còn 32. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc xem xét này và nhấn mạnh sự cần thiết của việc này vì số lượng các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp là thấp hơn so với các ngành khác.

Đầu tư vào nông nghiệp được xem là rủi ro cao bởi thiên tai, biến đổi khí hậu, biến động giá cả, quy mô nhỏ, cơ giới hóa thấp, thiếu các dịch vụ hỗ trợ, và cơ sở hạ tầng thiếu và chất lượng kém, cuối cùng là lợi nhuận thu về ít. Hơn nữa, các chính sách về đất đai cũng giới hạn đầu tư cho các dự án mà cần không gian lớn vì cần có một sự cân bằng giữa những thứ người nông dân cần và diện tích đất có thể đáp ứng được cho các dự án đầu tư. Một giải pháp có thể là – được gợi ý bởi Chính phủ - nông dân và doanh nghiệp hợp tác với nhau. Cũng cần thiết phải tạo ra một sân chơi công bằng và để hoàn thành việc cổ phần hóa và tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước trong ngành nông nghiệp càng sớm càng tốt. Chúng tôi hiểu rằng việc xem xét này cần phải được tiến hành một cách cẩn thận để đảm bảo chất lượng (tốt hơn) của sản phẩm và quá trình sản xuất, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và giảm thiểu thủ tục hành chính.

Dự thảo nghị định về chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp – với một số sửa đổi – đã là một khởi đầu thuận lợi để thu hút FDI như phần lớn các công ty Việt Nam đang đầu tư hiện nay. Chúng tôi đã hiểu rằng mặc dù dự thảo này đã được thu hồi và một nghị định sẽ được soạn thảo để bao quát cả các công ty trong nước lẫn nước ngoài. Chúng tôi ủng hộ ý tưởng bao quát tất cả trong một nghị định để đạt được một sân chơi bình đẳng. Tuy nhiên, điều quan trọng là tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi càng sớm càng tốt. Ngành này được cho là rủi ro vì biến đổi khí hậu, biến động giá cả, quy mô nhỏ, cơ giới hóa thấp, thiếu các dịch vụ hỗ trợ và cơ sở hạ tầng. Các công ty nước ngoài có thể đem đến rất nhiều công nghệ cao và kiến thức cải tiến cần thiết để phát triển ngành nông nghiệp bền vững và cạnh tranh.

Khuyến nghị

Hoàn thiện dự thảo Nghị định về chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp.

3.4. Chuỗi cung ứng và sản xuất

Để duy trì được vị trí hiện tại là một nước sản xuất và xuất khẩu nông nghiệp Việt Nam cần không chỉ tăng về quy mô, chất lượng và an toàn thực phẩm, Việt Nam cần phát triển chuỗi cung ứng sản xuất nông nghiệp bền vững, điều này sẽ giúp làm tăng quy mô, chất lượng và an toàn thực phẩm. Nhiều sáng kiến theo hướng này đã được phát triển bởi cả chính phủ và doanh nghiệp, ví dụ như đối với thịt lợn và rau củ đều được tiêu thụ mạnh bởi người dân Việt Nam. Những nguồn thực phẩm an toàn nhìn chung đã được tạo ra. Điều này là do hiện nay không thể biết rõ ở đâu có thể mua được thực phẩm an toàn và không dễ để phân biệt những thứ được gọi là thực phẩm an toàn hoặc hữu cơ có thể tin được hay không. Mặc dù vậy vẫn còn rất nhiều việc cần phải làm, để cho người dân không còn phải lo lắng về vấn đề này nữa.

Khi người nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, người nông dân có thể nâng cao thu nhập của mình bằng cách tăng hiệu quả, thực hiện nghiên cứu thị trường và có một vị thế trao đổi tốt hơn. Chính phủ Việt Nam nên khuyến khích nông dân tham gia các hợp tác xã bằng các cách ví dụ như đưa ra các ứ đãi tài chính. Việc canh tác đất quy mô nhỏ, nhỏ nhất trong khu vực cần được giải quyết để nâng cao tính cạnh tranh của ngành và đạt được mục tiêu xuất khẩu.

Khuyến nghị

- Khuyến khích phát triển chuỗi sản xuất và cung ứng nông nghiệp bền vững;
- Khuyến khích nông dân tham gia các hợp tác xã bằng các ưu đãi tài chính.

3.5. Công nghệ

Chúng tôi hy vọng rằng các sáng kiến sẽ được phát triển để đổi mới và áp dụng công nghệ như canh tác chính xác trên cánh đồng và các kỹ thuật phân tích hóa học tiên tiến trong phòng thí

nghiệm, bởi vì hiện nay nền nông nghiệp phụ thuộc quá nhiều vào tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động giá rẻ. Hạn hán ở Tây Nguyên và ngập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long đã chứng tỏ rằng chúng ta cần phải làm gì đó để đảo ngược những tác động của biến đổi khí hậu. Việt Nam không thể ngăn chặn biến đổi khí hậu một mình. Tuy nhiên, chúng ta có thể hỗ trợ người nông dân tìm ra những giống cây và phân bón thích hợp với những thay đổi này. Những người nông dân cần phải tự đảm bảo thu nhập của mình đến từ nhiều nguồn khác nhau.

Như chúng tôi đã đề cập, nền nông nghiệp cần phải được tái cấu trúc và trở thành quy mô lớn. Vì vậy chúng tôi rất hài lòng với ý định của ngài bộ trưởng bộ nông nghiệp mới bổ nhiệm, ông Nguyễn Xuân Công, vì điều này sẽ cho phép việc sử dụng công nghệ và tăng số lượng và đặc biệt là chất lượng sản xuất. Tuy nhiên, thuế nhập khẩu hiện tại cho các loại máy móc nông nghiệp là 5% và đôi khi lên tới 20%, kể cả cho các loại máy không sản xuất ở Việt Nam. Hơn nữa một nhà nhập khẩu còn phải kiểm tra số lượng tất cả các máy được nhập khẩu có giá từ 3,375,000-20,250,000 VNĐ (150-900 USD) để kiểm tra cũng như là chi phí bảo quản, trong khi đó đây là một thủ tục tương tự như sau đăng ký. Theo quan điểm của chúng tôi việc kiểm tra số lượng này là không cần thiết. Hơn nữa việc sử dụng các mã HS khác nhau cho những máy giống nhau (tractors³) cũng ảnh hưởng đến thuế nhập khẩu và thuế GTGT trong khi đó thực tế đó là cũng một loại máy. Cuối cùng, nó cũng là một vấn đề lớn đối với người nông dân để có đủ khả năng tài chính mua các loại máy móc bởi vì chúng không thể dùng làm tài sản thế chấp.

Đối với một nền nông nghiệp sản xuất chất lượng cao và vững mạnh, điều quan trọng là phải hiện đại hóa ngành nông nghiệp bằng cách sử dụng máy móc. Hiện đang rất khó để có thể đạt được điều này bởi vì các loại thuế nhập khẩu, thuế GTGT và chi phí thông quan rất cao và khả năng tiếp cận tài chính để mua máy móc nông nghiệp là rất thấp.

Khuyến nghị

- Hỗ trợ nông dân thích ứng với biến đổi khí hậu và tìm những sản phẩm phù hợp để tiếp tục sản xuất nông nghiệp một cách bền vững cung cấp đủ thu nhập;
- Xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với các loại máy nông nghiệp không sản xuất ở Việt Nam;
- Giảm thuế nhập khẩu cho máy móc nông nghiệp cần thiết để hiện đại hóa nền nông nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh;
- Xóa bỏ các yêu cầu kiểm tra chất lượng cho các máy nông nghiệp khi nhập khẩu;
- Cung cấp cùng một mã HS cho các loại máy (tractors) cùng loại;
- Tạo điều kiện tài chính cho nông dân khi họ mua máy móc nông nghiệp cần thiết để hiện đại hóa nền nông nghiệp và làm cho nó bền vững.

3.6. Chuyển đổi cây trồng

Việt Nam là một trong 5 nước xuất khẩu gạo hàng đầu, tuy nhiên chủ yếu là bởi vì giá rẻ. Việt Nam nhập khẩu ngô, đậu nành và thức ăn gia súc. Vì vậy Việt Nam được khuyến khích chuyển từ lúa sang một loại cây trồng khác – nhiều lợi nhuận hơn. Hơn nữa, chuyển đổi như vậy cũng làm giảm số lượng nguyên liệu cần nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi. Điều này sẽ hỗ trợ phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước. Chính phủ nên cung cấp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô, và cũng như cung cấp hỗ trợ về mặt kỹ thuật trồng trọt. Đầu năm nay, Chính phủ đã ban hành nghị định 915. Dựa trên nghị định này người nông dân sẽ nhận được 3 triệu VNĐ cho mỗi hecta để mua hạt giống nếu họ chuyển đổi từ lúa sang ngô. Tuy nhiên, cho đến hiện nay vẫn chưa có Thông tư hướng dẫn nào cho Nghị định này được ban hành, do đó cản trở việc chuyển đổi này.

³Tractor có thể được dịch ra là máy kéo hoặc máy cày trong tiếng Việt

Khuyến nghị

Ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện nghị định 915 càng sớm càng tốt.

3.7. Cải cách ngành giống cây trồng

Phát triển giống cây trồng chất lượng cao và bán với giá cả hợp lý trên thị trường sẽ cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp và nông dân sẽ được hưởng lợi rất nhiều. Đến nay, hạn chế lớn nhất của ngành giống cây trồng là sự thiếu hụt khung pháp lý mạnh để kiểm soát chất lượng hạt giống/cây giống, thời gian đăng ký quá dài cho cây trồng chiến lược bao gồm ngũ cốc và các cây công nghiệp như lúa, ngô, cà phê, ... Thêm nữa là sự thiếu ưu đãi và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp tư nhân như hỗ trợ cải thiện chất lượng giống, và nghiên cứu và phát triển. Môi trường pháp lý ngành giống hiện nay cũng đặt một gánh nặng không cần thiết lên các bên liên quan. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới về cho phép kinh doanh nông nghiệp 2016 việc đăng ký giống lúa ở Việt Nam mất 901 ngày và tốn 8050 USD. Đây là khoảng thời gian dài nhất và chi phí tốn kém nhất trong 40 nước đề cập đến trong báo cáo này. Hơn nữa ngành giống cũng đang bị ngăn cản bởi sự gia tăng của hạt giống chất lượng thấp và sự thiếu tự tin trong xây dựng thương hiệu. Điều này làm suy giảm nghiêm trọng niềm tin của nông dân và họ sẽ không sẵn sàng trả tiền cho các giống chất lượng cao.

Trong vài năm qua, nhiều cuộc đối thoại chính sách, hội thảo tham vấn đã được thực hiện giữa Chính phủ và các bên liên quan. Những gánh nặng và điểm yếu lớn của hệ thống pháp luật đã được xác định rõ ràng. Kết quả là Chính phủ đã lên nhiều kế hoạch cải thiện hệ thống pháp lý bao gồm sửa đổi Quyết định 95 và Pháp lệnh giống dự kiến có hiệu lực vào cuối năm 2016. Gần đây Chính phủ và Quốc hội đã quyết định không sửa đổi Pháp lệnh mà sẽ xây dựng một Luật giống. Tuy nhiên, thời hạn ban hành Luật giống chưa nêu rõ. Chúng tôi tin rằng xây dựng Luật giống tại Việt Nam là đúng đắn và rất quan trọng để điều chỉnh ngành giống đầy đủ và lâu dài. Tuy nhiên, các thay đổi trong kế hoạch của Chính phủ làm cho các nỗ lực cải cách bị trì hoãn. chưa có... Điều đó đồng nghĩa với việc doanh nghiệp giống vẫn phải chịu các rào cản về pháp lý trong một thời gian dài nữa.

Khuyến nghị:

- Ban hành một giải pháp trước mắt để nhanh chóng giải quyết các vấn đề đã rõ ràng liên quan đến đăng ký công nhận và quản lý chất lượng giống bằng cách sửa đổi các quy định sẵn có;
- Tham khảo ý kiến khu vực tư nhân khi soạn thảo Luật giống.